

Biểu số 4

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số **236/NQ-HĐND** ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025				Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG SỐ		10.766.465	5.191.236	2.756.191				1.768.191				988.000	58.000		8.805	7.963	7.963	988.000	58.000		8.605	
A	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT		2.767.035	2.227.918	212.029				42.029				170.000	58.000		500	500	500	170.000	58.000		500	
1	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TĐC Noong Bua đến khu TĐC Pú Tùn)	1331/QĐ-UBND 04/12/2015, 2051/QĐ-UBND 12/11/2021; 1386/QĐ-UBND 11/8/2022	550.000	90.883	30.883				20.000				10.883						10.883				
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông nội thị Khu vực Trung tâm chính trị hành chính tỉnh Điện Biên	1047/QĐ-UBND 16/6/2022	200.000	200.000	11.000				6.000				5.000						5.000				
3	Các hạng mục thuộc dự án tổng thể đầu tư xây dựng trung tâm thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	2200/QĐ-UBND 01/12/2022	195.000	145.000	45.000				6.029				38.971						38.971				
4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đầu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ	1194/ĐND-KTNS ngày 12/6/2017, 573/QĐ-UBND ngày 18/7/2018	63.000	63.000	63.000								63.000	58.000					63.000	58.000			Ứng quỹ PT đất 58.000trđ
5	Sân vận động huyện Tuần Giáo	2046/QĐ-UBND 12/11/2024	44.500	24.500	24.500								24.500						24.500				
6	Di dời công trình hạ tầng kỹ thuật, giải phóng, tạo mặt bằng sạch phục vụ dự án tổng thể "Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê công mở rộng tỉnh Điện Biên"		24.135	24.135									500			500	500					Không thực hiện	
7	Xây dựng các tòa nhà trụ sở Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH - HĐND - UBND tỉnh		702.000	702.000	5.000				5.000														
8	Xây dựng khối nhà các cơ quan, sở ban ngành đoàn thể và Mặt trận tổ quốc tỉnh		790.000	790.000	5.000				5.000														
9	Trại thực nghiệm và sản xuất giống thủy sản tỉnh Điện Biên		45.000	45.000	500												500		500			500	Chuẩn bị đầu tư
10	Phân bổ số vốn KH 2025 chưa phân bổ chi tiết												27.146										
11	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THCS Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ	2123/QĐ-UBND 22/12/2023	14.950	12.450	2.500														2.500				Phân bổ chi tiết từ số còn lại chưa phân bổ

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025				Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư								
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư												
12	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường mầm non số 2 xã Pá Khoang	2122/QĐ-UBND 22/12/2023	14.900	12.400	2.500														2.500				Phân bổ chi tiết từ số còn lại chưa phân bổ	
13	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Nam Thanh,thành phố Điện Biên Phủ	2200/QĐ-UBND 29/12/2023	9.000	6.500	2.500														2.500				Phân bổ chi tiết từ số còn lại chưa phân bổ	
14	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Sơn Ca, thành phố Điện Biên Phủ	2199/QĐ-UBND 29/12/2023	11.150	8.650	2.500														2.500				Phân bổ chi tiết từ số còn lại chưa phân bổ	
15	Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT tiểu học xã Nà Búng	760/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	14.800	14.800	2.500														2.500				Phân bổ chi tiết từ số còn lại chưa phân bổ	
16	Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT THCS xã Phìn Hồ	761/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	14.700	14.700	2.500														2.500				Phân bổ chi tiết từ số còn lại chưa phân bổ	
17	Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT Tiểu học Na Cô Sa	762/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	14.500	14.500	2.500														2.500				Phân bổ chi tiết từ số còn lại chưa phân bổ	
18	Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT THCS Tân Phong, xã Si Pa Phìn	763/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	14.900	14.900	2.146														2.146				Phân bổ chi tiết từ số còn lại chưa phân bổ	
19	Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT tiểu học xã Hứa Ngải	741/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	14.800	14.800	2.500														2.500				Phân bổ chi tiết từ số còn lại chưa phân bổ	
20	Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT THCS Na Sang	742/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	14.900	14.900	2.500														2.500				Phân bổ chi tiết từ số còn lại chưa phân bổ	
21	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non xã Hứa Ngải	743/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	14.800	14.800	2.500														2.500				Phân bổ chi tiết từ số còn lại chưa phân bổ	
B	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		7.842.894	2.836.126	2.264.895					1.534.095				730.800				8.305	6.745	6.745	730.800			8.105
I	Dự phòng (10%)		260.950	260.950	183.464					110.384				73.080						73.080				
1	Dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư Khu trung tâm hành chính chính trị tỉnh Điện Biên	1034/QĐ-UBND 17/6/2022	210.000	210.000	166.499					104.384				62.115						62.115				
2	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	1381/QĐ-CAT-PI110 ngày 18/5/2024	12.000	12.000	4.000					1.500				2.500						2.500				
3	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	1383/QĐ-CAT-PI110 ngày 18/5/2024	12.000	12.000	4.000					1.500				2.500						2.500				
4	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Tủa Chùa, Tuần Giáo và Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	1382/QĐ-CAT-PI110 ngày 18/5/2024	14.950	14.950	4.965					1.500				3.465						3.465				
5	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Mường Chà, Nậm Pồ và Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên	1384/QĐ-CAT-PI110 ngày 18/5/2024	12.000	12.000	4.000					1.500				2.500						2.500				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025				Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư							
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư											
II	Bổ sung từ NSDP cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện quản lý				936.536				739.220				197.316						197.316				
1	Thành phố Điện Biên Phủ				99.304				78.382				20.922						20.922				
2	Huyện Điện Biên				120.844				95.384				25.460						25.460				
3	Huyện Tuần Giáo				116.408				91.882				24.526						24.526				
4	Huyện Điện Biên Đông				101.872				80.409				21.463						21.463				
5	Huyện Mường Ảng				76.628				60.484				16.145						16.145				
6	Huyện Mường Nhé				99.508				78.543				20.965						20.965				
7	Huyện Mường Chà				95.742				75.570				20.172						20.172				
8	Huyện Tủa Chùa				87.188				68.818				18.369						18.369				
9	Huyện Nậm Pồ				107.217				84.628				22.589						22.589				
10	Thị xã Mường Lay				31.825				25.120				6.705						6.705				
III	NSDP cấp tỉnh quản lý		7.581.944	2.575.176	1.144.895				684.491				460.404			8.305	6.745	6.745	460.404				8.105
III.1	Trả phí vay, lãi vay, vay...				78.232				68.432				9.800						9.800				
1	Trả lãi vay																						
2	Vay để trả nợ gốc												9.800						9.800				
III.2	Đầu ứng các dự án ODA		2.839.665	536.153	146.328				102.640				43.688			2.705			43.688				2.705
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		1.359.665	195.433	143.623				102.640				40.983						40.983				
1	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên	802/QĐ-UBND 22/10/2014; 660/QĐ-UBND 08/8/2018; 1740/QĐ-TTg 13/12/2019	1.199.000	180.000	128.190				93.467				34.723						34.723				
2	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên	6689/QĐ-BYT 02/11/2018 3826/QĐ-BYT 28/6/2019	160.665	15.433	15.433				9.173				6.260						6.260				
(2)	Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2025		1.480.000	340.720	2.705								2.705			2.705			2.705				2.705
1	Dự án phát triển nông thôn thích ứng thiên tai, tỉnh Điện Biên		1.480.000	340.720	2.705								2.705			2.705			2.705				2.705
III.3	Các dự án trọng điểm của tỉnh		1.307.400	327.400	198.430				35.955				162.475						162.475				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		1.300.000	320.000	198.230				35.755				162.475						162.475				
1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên	984/QĐ-UBND 31/5/2021	1.300.000	320.000	198.230				35.755				162.475						162.475				Bổ trí theo khả năng giải ngân
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2025		7.400	7.400	200				200														
1	Xây dựng điểm tái định cư số 1 mở rộng dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	1101/QĐ-UBND 22/7/2024	7.400	7.400	200				200														Chuyển GD 2026-2030
III.4	Dự án phân theo ngành/tỉnh vực		3.434.879	1.711.623	721.905				477.464				244.441			5.600	6.745	6.745	244.441				5.400

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KII đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025				Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư							
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư											
7	Trụ sở làm việc công an xã Nà Nhạn thuộc thành phố Điện Biên Phủ, Công an xã Pù Hông thuộc huyện Điện Biên Đông và Công an các xã Hè Muông, Sam Mùn thuộc huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2781/QĐ-CAT-PT110 5/10/2024	12.402	6.000																			Chuyển GD 2026-2030
8	Trụ sở làm việc Công an các xã: Tả Phìn, Huổi Sô, Sinh Phình, Trung Thu thuộc huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	2786/QĐ-CAT-PT110 5/10/2024	12.000	6.000																			Chuyển GD 2026-2030
9	Trụ sở làm việc Công an các xã: Keo Lôm, Na Son, Noong U, Tia Dình, Xa Dung thuộc huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	2783/QĐ-CAT-PT110 5/10/2024	14.950	7.450																			Chuyển GD 2026-2030
10	Xây dựng, cải tạo và sửa chữa Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực thị xã Mường Lay		1.500	1.500																			Chưa có QĐ đầu tư
11	Đầu tư mua sắm trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Điện Biên		6.650	6.650																			Chưa có QĐ đầu tư
(3)	Ngành/tỉnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		353.900	226.500	123.079				74.910				52.482			2.500		4.313	48.169			2.500	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																						
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		179.400	112.000	105.579				69.910				39.982				4.313	35.669					
1	Xây dựng trường phổ thông DTBT tiểu học Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông (giai đoạn 1)	2203/QĐ-UBND 02/12/2022	38.000	38.000	37.800				16.500				21.300						21.300				
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quyết Tiến, huyện Tủa Chùa	1931/QĐ-UBND 17/10/2022	14.500	14.500	14.119				11.510				2.990				381	2.609					Hết nhu cầu
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên	1957/QĐ-UBND 30/11/2023	20.000	20.000	20.000				18.200				1.800					1.800					
4	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên Đông	1922/QĐ-UBND 14/10/2022	14.500	14.500	14.090				10.700				3.800				410	3.390					Hết nhu cầu
5	Sửa chữa, nâng cấp Trường Tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ	302/QĐ-UBND 28/02/2023	70.000	5.000	1.478								5.000				3.522	1.478					Hết nhu cầu
6	Xây dựng trường PTDT bán trú tiểu học xã Mường Dư, huyện Tủa Chùa	3227/QĐ-UBND 14/12/2021	22.400	20.000	18.092				13.000				5.092					5.092					Thanh toán dứt điểm theo nhu cầu của CĐT
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025		50.000	15.000	15.000				5.000				10.000					10.000					

TT	Đanh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025				Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư							
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư											
1	Xây dựng nhà lớp học 7 tầng + Thư viện Trường Chính trị tỉnh Điện Biên	1971/QĐ-UBND 3/12/2023	50.000	15.000	15.000				5.000				10.000						10.000				
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2025		50.000	10.000																			
(5)	Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2025		74.500	59.500	2.500								2.500			2.500			2.500			2.500	
1	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Thanh Chấn, huyện Điện Biên		14.900	11.900	500								500			500			500			500	Chuẩn bị đầu tư
2	Cải tạo, nâng cấp trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học số 2 xã Na Tông, huyện Điện Biên		14.900	11.900	500								500			500			500			500	Chuẩn bị đầu tư
3	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Thanh Lương, huyện Điện Biên		14.900	11.900	500								500			500			500			500	Chuẩn bị đầu tư
4	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non số 2 Na Tông, huyện Điện Biên		14.900	11.900	500								500			500			500			500	Chuẩn bị đầu tư
5	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học và trung học cơ sở xã Sam Múm, huyện Điện Biên		14.900	11.900	500								500			500			500			500	Chuẩn bị đầu tư
(4)	Ngành/Tỉnh vực: Khoa học và công nghệ		18.002	18.002	12.299				5.899				901				5.499		6.400				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																						
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		7.000	7.000	6.800				5.899				901						901				
1	Đầu tư trang thiết bị Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên	2173/QĐ-UBND 25/11/2022	7.000	7.000	6.800				5.899				901						901				
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025		11.002	11.002	5.499												5.499		5.499				
1	Đầu tư thiết bị Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	2086a/QĐ-UBND 15/11/2024	11.002	11.002	5.499												5.499		5.499				
(5)	Ngành/Tỉnh vực: Y tế, dân số và gia đình		167.695	61.000	53.500				31.119				22.381			500			22.381			500	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																						
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		159.695	53.000	53.000				31.119				21.881						21.881				
1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh	3005/QĐ-UBND 19/11/2021	28.000	28.000	28.000				16.119				11.881						11.881				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch 2025				Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư							
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								Chuyển bị đầu tư			
2	Giai đoạn II - Cải tạo nâng cấp BVĐK tỉnh giai đoạn II (từ 300 lên 500 GB)	1343/QĐ-UBND 9/11/2010; 1114/QĐ-UBND 30/10/2017; 489/QĐ-UBND 27/5/2020; 1206/QĐ-UBND 19/11/2020; QĐ 648/QĐ-UBND 10/4/2022	131.695	25.000	25.000				15.000				10.000					10.000				
(3)	Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2025		8.000	8.000	500								500			500		500			500	
1	Cải tạo, sửa chữa TTYT thị xã Mường Lay		8.000	8.000	500								500			500		500			500	
(6)	Ngành/Tỉnh vực: Văn hóa, thông tin																					
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																					
(7)	Ngành/tỉnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tin		1.600	1.600	1.669				1.595							74		74				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024		1.600	1.600	1.669				1.595							74		74				
1	Duy tu sửa chữa tháp an ten truyền hình cao 125m	1410/QĐ-UBND 5/9/2023	1.600	1.600	1.669				1.595							74		74				Bổ trí xử lý công nợ sau quyết toán
(8)	Ngành/Tỉnh vực: Thể dục thể thao		30.000	15.000	15.000				7.000				8.000					8.000				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		30.000	15.000	15.000				7.000				8.000					8.000				
1	Sân vận động huyện Điện Biên	1863/QĐ-UBND 06/10/2022	30.000	15.000	15.000				7.000				8.000					8.000				
(9)	Ngành/tỉnh vực: Bảo vệ môi trường																					
(10)	Ngành/tỉnh vực: Các hoạt động kinh tế		2.348.027	1.130.889	375.560				251.441				124.610		2.400	542	1.033	124.119			2.400	
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		439.816	266.916	172.174				96.160				76.014					76.014				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024		60.000	60.000	49.974				48.210				1.764					1.764				
1	Thủy lợi Năm Pô xã Nà Hỳ, huyện Mường Nhé (nay là huyện Năm Pô)	1119/QĐ-UBND 30/10/2019; 92/QĐ-UBND 18/01/2022	60.000	60.000	49.974				48.210				1.764					1.764				
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		379.816	206.916	122.200				47.950				74.250					74.250				
1	Hệ thống kênh nội đồng công trình hồ Năm Ngâm - Pú Nhì, huyện Điện Biên Đông	863/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	26.800				12.000				14.800					14.800				
2	Kè chống sạt lở khu dân cư, đất sản xuất xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	865/QĐ-UBND 28/5/2021	39.800	39.800	35.600				12.000				23.600					23.600				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025				Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó: NSDP	Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư							
							Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư											
3	Kê chống sụt lỏ suối Huổi Luông, thôn bản Hối, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	864/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	26.800				12.000				14.800						14.800					
4	Công trình thủy lợi Nậm Khẩu Hủ, xã Thanh Nua, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi)	1327/QĐ-UBND 29/12/2017	273.016	100.116	26.000				9.950				16.050						16.050					
5	Thủy lợi khu khối 7, 8 và bản Co Có xã Áng Tờ, huyện Mường Ảng	1047/QĐ-UBND 3/7/2023	7.000	7.000	7.000				2.000				5.000						5.000					
10.2	Công nghiệp																							
10.3	Giao thông		1.714.261	694.873	91.592				84.336				7.656			2.400		400	7.256			2.400		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024		690.000	40.292	25.292				20.936				4.356						4.356					
1	Dự án Đường Na Sang Km146+200/QL12) - TT. xã Huổi Mì - Nậm Múc (Km452+300/QL6) - Thị trấn Tủa Chùa - Huổi Lóng, tỉnh Điện Biên (Phần đoạn Thị trấn Tủa Chùa - Nậm Múc - Huổi Mì)	591/QĐ-UBND 29/6/2017; 1267/QĐ-UBND, 11/12/2019	690.000	40.292	25.292				20.936				4.356						4.356					
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		74.000	63.100	62.700				62.200				900					400	500					
1	Cầu bê tông qua ngã ba suối dưới bản Sen Thương xã Sen Thương, huyện Mường Nhé	642/QĐ-UBND 08/4/2022	35.000	24.100	24.100				24.000				100						100					
2	Cầu Nà Khoa, huyện Nậm Pồ	2180/QĐ-UBND 25/11/2022	39.000	39.000	38.600				38.200				800					400	400				Hết nhu cầu	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025		135.000	135.000	1.000				1.000															
1	Nâng cấp tuyến đường từ bản Sen Thương - Pa Ma - Lò San Chải, huyện Mường Nhé		115.000	115.000	500				500													Chưa có QĐ đầu tư		
2	Nâng cấp đường giao thông QL6 - bản Xá Phình 1+2, xã Sả Tống, huyện Mường Chà		20.000	20.000	500				500													Chưa có QĐ đầu tư		
(4)	Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2025		815.261	456.481	2.600				200				2.400			2.400			2.400			2.400		
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba bệnh viện tỉnh đến ngã tư Tả Lèng (Đoạn từ nút N20 đến trung tâm xã Tả Lèng), TP ĐBP		25.000	25.000	400				200				200			200			200			200	Chuẩn bị đầu tư	
3	Đường giao thông bản Háng Mù Lử kết nối với trục đường dẫn trung tâm xã Sả Tống, huyện Mường Chà		39.900	34.900	500								500			500			500			500	Chuẩn bị đầu tư	
4	Đường nội thị giai đoạn 3 huyện Điện Biên		39.900	36.900	500								500			500			500			500	Chuẩn bị đầu tư	
5	Nâng cấp đường giao thông từ bản Nậm Pồ - bản Huổi Hạ, xã Na Sang		14.900	11.900	200								200			200			200			200	Chuẩn bị đầu tư	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025				Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư							
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư											
2	Mở rộng nghĩa trang nhân dân C1, xã Thanh Lương, huyện Điện Biên		30.000	30.000																		Chuyển GD 2026-2030	
10.13	Cấp vốn điều lệ cho NHCS; hỗ trợ DN đầu tư vào NN nông thôn; hỗ trợ DNNVV; hỗ trợ IITX																						
(11)	Ngành/tỉnh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN		135.200	81.955	49.300				47.000				2.500			200		200	2.300				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024		44.600	29.355	29.300				28.000				1.300					1.300					
1	Trung tâm hội nghị - văn hóa huyện Mường Ảng	1791/QĐ-UBND 01/10/2021; 927/QĐ-UBND 07/6/2023	44.600	29.355	29.300				28.000				1.300					1.300					
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		55.000	20.000	20.000				19.000				1.000					1.000					
1	Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc và công trình phụ trợ Hội Cựu chiến binh (tỉnh)	2037/QĐ-UBND 04/11/2022	55.000	20.000	20.000				19.000				1.000					1.000					
(3)	Các dự án khởi công một năm 2025		24.600	24.600																			
1	Dự án: Trụ sở Ban quản lý Di tích tỉnh Điện Biên	1227/QĐ-UBND 04/8/2023	14.600	14.600																		Cải giảm KH trung hạn và 2025 do sắp xếp DVHC	
2	Dự án: Trụ sở Phòng giáo dục và đào tạo thành phố Điện Biên Phủ	1226/QĐ-UBND 04/8/2023	10.000	10.000																		Cải giảm KH trung hạn và 2025 do sắp xếp DVHC	
(4)	Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2025		11.000	8.000									200			200		200					
1	Trụ sở làm việc Ban quản lý dự án các công trình huyện Điện Biên		11.000	8.000									200			200		200				Cải giảm KH trung hạn và 2025 do sắp xếp DVHC	
(12)	Ngành/tỉnh vực: Xã hội																						
(13)	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		232.003	87.127	81.498				52.500				29.567			630	1.199	28.998					
*	Đối ứng, lồng ghép Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới		89.003	39.800	35.600				16.000				19.600					19.600					
1	Nâng cấp đường liên xã từ QL279 Thanh An - Noong Hẹt - Sam Múm huyện Điện Biên	1547/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	16.000	4.800	4.800								4.800					4.800					
2	Nâng cấp đường liên xã từ QL12 vào xã Thanh Chân - Thanh Yên huyện Điện Biên	1110/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	17.703	5.311	5.311								5.311					5.311					
3	Kiến cố kênh tưới tiêu từ thôn Văn Tấn xã Noong Hẹt đến bản Na Vài, xã Pom Lót, huyện Điện Biên	2210/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	15.500	4.650	4.650								4.650					4.650					
4	Kê bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và công trình công cộng suối Năm Cọ, huyện Điện Biên	841/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	39.800	25.039	20.839				16.000				4.839					4.839					
*	Lồng ghép Chương trình MTQG PTKTXU vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		143.000	47.327	45.898				36.500				9.967			630	1.199	9.398					

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025				Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư							
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư											
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT tỉnh Điện Biên	1678/QĐ-UBND 14/9/2021	80.000	26.868	26.868				20.000				6.868						6.868				Lồng ghép thực hiện CTMTQG 88
2	Cầu, đường từ khu trung tâm huyện sang khu tái định cư và Trường PTDTNT THPT Nậm Pồ, huyện Nậm Pồ	Số 1715/QĐ-UBND ngày 18/9/2022	35.000	6.459	5.260				4.500				1.959				1.199		760				Lồng ghép thực hiện CTMTQG 88
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông	Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 30/6/ 2022	28.000	14.000	13.770				12.000				1.140				630		1.770				Lồng ghép thực hiện CTMTQG 88
C	BỘ CHỈ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				214.200				159.000				55.200						55.200				
D	VỐN NỔ SỔ KIẾN THIẾT		156.536	127.192	65.067				33.067				32.000				718	718	32.000				
I	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		75.836	62.477	27.795				20.242				7.640				331	418	7.553				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024		35.900	27.117	21.682				20.242				1.471				31		1.440				
1	Bổ sung, nâng cấp trường THCS xã Nà Tấu	3206/QĐ-UBND 10/12/2021	14.900	6.117	887								887						887				Thanh toán dứt điểm
2	Xây dựng Nhà thực hành nghề phù nông nghiệp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên	2050/QĐ-UBND 12/11/2021	3.000	3.000	2.895				2.800				95						95				đã Quyết toán còn thiếu 95trđ
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường CD Su phum	2058/QĐ-UBND 09/11/2022	8.000	8.000	7.920				7.842				109				31		78				Hiết nhu cầu
4	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất thực hành nghề, trường Cao đẳng Nghề	2146/QĐ-UBND 22/11/2022	10.000	10.000	9.980				9.600				380						380				
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		10.000	5.424	5.169								5.169						5.169				
1	Cải tạo, sửa chữa khu giảng đường và hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên	1832/QĐ-UBND 20/11/2023	10.000	5.424	5.169								5.169						5.169				Lồng ghép CTMTQG giảm nghèo bền vững
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025		29.936	29.936	944								1.000				331	387	944				
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1993/QĐ-UBND 6/11/2024	14.986	14.986	613								1.000				387		613				
2	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ	2066/QĐ-UBND 14/11/2024	14.950	14.950	331												331		331				
II	Ngành/lĩnh vực: Y tế		45.200	29.215	23.525				11.925				11.600						11.600				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																						
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		45.200	29.215	23.525				11.925				11.600						11.600				
1	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Chưông Sinh, Nà Sáy, Quai Nua, Ta Ma huyện Tuần Giáo	2036/QĐUBND 04/11/2022	7.600	7.600	7.334				3.334				4.000						4.000				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch 2025				Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư											
2	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Ngõ Cáy, Ảng Nưa, Mường Đàng, Mường Lạn huyện Mường Ảng	1921/QĐ-UBND 14/10/2022	7.600	7.600	7.381				3.781				3.600					3.600					
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	1124/QĐ-UBND 30/6/2022	30.000	14.015	8.810				4.810				4.000					4.000				Lãng ghép vốn CTMTQG Dân tộc thiểu số	
III	Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới		27.500	27.500	13.360				900				12.760				300	12.460					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		13.000	13.000	12.560				600				11.960					11.960					
1	Đường giao thông bản HÁ, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ	724/QĐ-UBND 11/04/2024	4.500	4.500	4.350				200				4.150					4.150					
2	Đường giao thông bản Kéo, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ	719/QĐ-UBND 10/04/2024	4.950	4.950	4.800				200				4.600					4.600					
3	Đường giao thông bản Bò, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ	718/QĐ-UBND 10/04/2024	3.550	3.550	3.410				200				3.210					3.210					
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025		14.500	14.500	800				300				800				300	500					
1	Nâng cấp chợ trung tâm huyện Mường Ảng	1203/QĐ-UBND 02/7/2024	14.500	14.500	800				300				800				300	500				Giao vượt trung hạn do năm 2024 được bổ sung	
IV	Ngành/Tĩnh vực: Khoa học công nghệ		8.000	8.000	387											387		387					
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2025		8.000	8.000	387											387		387					
I	Xây dựng phòng thí nghiệm, thử nghiệm và thực nghiệm công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Tiến bộ khoa học công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên	2072/QĐ-UBND 15/11/2024	8.000	8.000	387											387		387					